

Số: 323/KH-SKHCN

Hà Nam, ngày 04 tháng 6 năm 2019

## KẾ HOẠCH

### Kiểm tra việc thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2019

Căn cứ Kế hoạch số 747/KH-SKHCN ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Sở Khoa học và Công nghệ về Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019.

Căn cứ Kế hoạch số 67/KH-SKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính năm 2019.

Thực hiện công văn số 1398/KH-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính năm 2019 trong nội bộ cơ quan như sau:

#### **I. Mục đích, yêu cầu**

##### **1. Mục đích**

- Nhằm đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở.
- Tăng cường công tác thực hiện cải cách hành chính tại các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước.
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính.

##### **2. Yêu cầu**

- Việc kiểm tra phải đảm bảo khách quan, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Thông qua việc kiểm tra đánh giá ưu điểm, khuyết điểm, khó khăn, tồn tại và những kiến nghị, đề xuất trong thực hiện công tác cải cách hành chính, để tháo gỡ, và có những giải pháp giải quyết kịp thời.
- Những kết luận của Đoàn kiểm tra phải được các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện nghiêm túc.

#### **II. Đối tượng kiểm tra**

- Khối cơ quan Văn phòng Sở.
- Chi cục Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
- Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHHCN và kiểm định, kiểm nghiệm.

#### **III. Nội dung và hình thức kiểm tra**

##### **1. Nội dung kiểm tra**

Kiểm tra việc triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính, tập trung vào những nhiệm vụ đã được xác định trong kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 của Sở, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính;
- Công tác cải cách thể chế;
- Công tác cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;
- Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước;
- Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC.
- Công tác cải cách tài chính công;
- Công tác hiện đại hóa nền hành chính;

## **2. Hình thức và thời gian kiểm tra**

a. Hình thức kiểm tra: Tự kiểm tra.

Khối cơ quan Văn phòng Sở, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và kiểm định, kiểm nghiệm chủ động xây dựng kế hoạch và tiến hành tự kiểm tra tại đơn vị mình và báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính (theo mẫu gửi kèm).

b. Thời gian tự kiểm tra: Từ ngày 23 đến 27/9/2019.

## **III. Tổ chức thực hiện**

### **1. Văn phòng Sở, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế 1 cửa**

- Tham mưu giúp Lãnh đạo Sở thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính của Sở năm 2019.

- Làm đầu mối, chủ trì phối hợp với các thành viên Đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra tại 03 đơn vị theo Kế hoạch.

- Thông báo cho Đoàn kiểm tra và các đơn vị được kiểm tra về nội dung, thời gian kiểm tra để đảm bảo cuộc kiểm tra đạt kết quả.

- Kết thúc kiểm tra, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Sở và thông báo kết quả kiểm tra tới các phòng, đơn vị được kiểm tra.

### **2. Các đơn vị tự kiểm tra**

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra và báo cáo kết quả tự kiểm tra gửi về Văn phòng Sở trước ngày **02/10/2019** để tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ.

Trên đây là kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019, Lãnh đạo Sở yêu cầu các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, thực hiện có khó khăn, vướng mắc các phòng báo cáo về Văn phòng Sở để kịp thời giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Giám đốc Sở; Các Phó giám đốc;
- Đoàn kiểm tra CCHC;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Đặng Đình Thoảng**

## **Đề cương**

### **Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 323 /KH-SKHCCN, ngày 04 tháng 6 năm 2019)

#### **I. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

##### **1. Xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính**

- Việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2019.
- Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ đạt được các nội dung trong kế hoạch.

##### **2. Tổ chức, chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính
- Về tổ chức các hội nghị, cuộc họp giao ban về CCHC.
- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.

##### **3. Kiểm tra CCHC**

- Việc ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2019.
- Kết quả kiểm tra và việc xử lý các vấn đề đặt ra sau khi tiến hành kiểm tra (số vấn đề đã đặt ra, đã xử lý/đã thực hiện).

##### **4. Công tác tuyên truyền**

Việc ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2019, hình thức và nội dung tuyên truyền.

#### **II. Kết quả thực hiện công tác CCHC**

Đánh giá tình hình và kết quả đạt được trên các lĩnh vực theo Kế hoạch CCHC và các văn bản có liên quan, trong đó tập trung nêu rõ những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế trong các nội dung sau:

##### **1. Cải cách thể chế**

a. Xây dựng, tham mưu xây dựng văn bản QPPL năm 2019: Tình hình triển khai và kết quả xây dựng, tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Chương trình xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh; các văn bản, quyết định của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Trong đó, làm rõ việc tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng VBQPPL (Theo quy định từ điều 111 đến điều 132 Luật ban hành VBQPPL năm 2013), chất lượng văn bản được ban hành.

b. Rà soát văn bản QPPL: Tình hình thực hiện rà soát thường xuyên các VBQPPL (theo quy định tại điều 138 và điều 142 Nghị định 34/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ) thuộc trách nhiệm rà soát của đơn vị (theo quy định tại điều 139 Nghị định 34/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ); kết quả xử lý các vấn đề phát hiện trong quá trình rà soát (theo quy định tại điều 143 Nghị định 34/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ).

##### **c. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL:**

Tình hình triển khai thực hiện các văn bản QPPL tại cơ quan, đơn vị; nêu rõ số văn bản QPPL phải triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị trong năm 2019; số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

Tình hình kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL; trong đó, nêu rõ số VBQPPL được kiểm tra thực hiện so với tổng số VBQPPL hiện hành; xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

##### **2. Cải cách TTHC, thực hiện cơ chế 1 cửa, một cửa liên thông**

- Việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo quy định tại nghị định số 63/NĐ-CP, ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC và các đề án, kế hoạch của tỉnh.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch, việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát.

- Việc thực hiện các phương án đơn giản hoá TTHC theo quy định của Chính phủ, tỉnh; trong đó nêu rõ kết quả sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ TTHC và các quy định liên quan đến TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.

- Việc công bố, cập nhật TTHC.

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của ca nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền của đơn vị.

- Nêu cụ thể tình hình công khai TTHC theo quy định tại Trung tâm hành chính công, trên cổng thông tin điện tử và các hình thức công khai khác.

- Về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

+ Việc phân công công chức đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của UBND tỉnh để thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; việc thực hiện chế độ hỗ trợ đối với công chức làm việc tại bộ phận TN&TKQ.

+ Tổng số TTHC trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được thực hiện theo cơ chế một cửa.

+ Tổng số TTHC trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông? (nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian thực hiện...)

+ Việc phối hợp giữa ngành với ngành trong giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông.

+ Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (số lượng hồ sơ tiếp nhận/đã giải quyết; sớm hẹn, đúng hẹn, trễ hẹn).

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

a. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của đơn vị.

- Tình hình tổ chức thực hiện rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế của đơn vị. Trong đó nêu rõ thời gian triển khai và mức độ tuân thủ quy định về tổ chức bộ máy tại các VBQPPL, các chương trình, kế hoạch, quyết định của tỉnh.

- Tình hình quản lý biên chế của đơn vị.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của đơn vị.

b. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc

- Việc ban hành kế hoạch kiểm tra

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

### **4. Xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

a. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ công chức viên chức

- Công tác quản lý cán bộ công chức viên chức (Tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm và các chế độ, chính sách đối với CBCCVC).

- Công tác xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm gắn với cơ cấu công chức, viên chức của đơn vị.

b. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Tổng số CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

#### **5. Cải cách tài chính công**

a. Việc thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

- Việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản công.

- Mức tăng thu nhập cho CBCCVC.

b. Việc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự công lập.

- Nêu rõ số đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động, đơn vị được nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động.

- Việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản công.

#### **6. Về hiện đại hóa nền hành chính**

a. Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của đơn vị (Đưa công nghệ thông tin điện tử, phần mềm quản lý hồ sơ văn bản vào hoạt động, bố trí biên chế quản trị mạng, trang bị máy móc, thiết bị...)

- Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến (thống kê số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở các mức độ).

b. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; 9001-2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

c. Tình hình xây dựng trụ sở làm việc.

### **III. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới**

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

3. Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới

### **IV. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)**